

Chiến lược phát triển bền vững: từ xu thế toàn cầu đến thực tiễn các doanh nghiệp sản xuất CSI (bộ chỉ số doanh nghiệp bền vững) tại Việt Nam**ThS.Đỗ Quốc Bình**

*Trưởng Khoa Quản lý Kinh doanh - Trường Cao đẳng Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội,
Giảng viên Khoa Quản lý Kinh doanh - Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội*

TS. Nguyễn Thị Quỳnh Hoa

Viện Nghiên cứu Chiến lược, Chính sách Công Thương

Phát triển bền vững ngày nay được xem là điều kiện tiên quyết để duy trì năng lực cạnh tranh, nâng cao khả năng chống chịu và bảo đảm tăng trưởng dài hạn của quốc gia và doanh nghiệp trong nền kinh tế toàn cầu. Xu thế này được thúc đẩy mạnh mẽ thông qua các cam kết quốc tế về phát triển bền vững, mục tiêu phát thải ròng bằng “0” (Net Zero), các tiêu chuẩn Môi trường - Xã hội - Quản trị (ESG), yêu cầu minh bạch chuỗi cung ứng cũng như các cơ chế thương mại mới gắn với yếu tố môi trường và carbon. Trong bối cảnh đó, các doanh nghiệp sản xuất - vốn là khu vực sử dụng nhiều tài nguyên, năng lượng và tạo ra tỷ trọng lớn giá trị gia tăng của nền kinh tế - đang đứng trước yêu cầu cấp thiết phải tái cấu trúc mô hình sản xuất, đổi mới quản trị và chuyển đổi sang phương thức phát triển bền vững.

Bài viết nghiên cứu về xu hướng và thực tiễn phát triển bền vững (PTBV) của các doanh nghiệp sản xuất tại Việt Nam trong bối cảnh thực thi khung ESG. Thông qua việc phân tích các doanh nghiệp tiêu biểu được biểu dương tại Lễ công bố CSI 2025 như Vinamilk, Traphaco, Everpia, Cao su Đồng Nai và Kraft Vina, bài viết làm rõ các thách thức về chi phí đầu tư, rào cản kỹ thuật và lộ trình chuyển đổi số, chuyển đổi xanh của doanh nghiệp. Kết quả cho thấy việc áp dụng bộ chỉ số CSI không chỉ giúp doanh nghiệp quản trị rủi ro tốt hơn mà còn gia tăng năng lực cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất một số giải pháp trọng tâm để thúc đẩy phát triển bền vững trong sản xuất; kiến nghị đối với Chính phủ, cơ quan quản lý và cộng đồng doanh nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả thực hành phát triển bền vững trong giai đoạn tới.

Từ khóa: Phát triển bền vững, ESG, Doanh nghiệp, Sản xuất, CSI 2025.

1. Đặt vấn đề

Trong kỷ nguyên hậu đại dịch và trong bối cảnh kinh tế toàn cầu đang đối mặt với các thách thức ngày càng gia tăng như biến đổi khí hậu, suy giảm tài nguyên thiên nhiên, gián đoạn chuỗi cung ứng, bất ổn địa chính trị và áp lực chuyển đổi sang mô hình tăng trưởng xanh, phát triển bền vững không còn là “lựa chọn” mang tính trách nhiệm xã hội đơn thuần mà đã trở thành “điều kiện sống còn” mang tính định hướng chiến lược của nhiều quốc gia và cộng đồng doanh nghiệp trên thế giới.

Tại Việt Nam, định hướng phát triển bền vững đã được lồng ghép ngày càng sâu rộng trong các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, đặc biệt chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030 đã đặt ra những cột mốc và mục tiêu quan trọng. Cùng với quá trình hội nhập kinh tế quốc tế và tham gia các hiệp định

thương mại tự do thế hệ mới, doanh nghiệp Việt Nam không chỉ chịu áp lực tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế mà còn phải chủ động nâng cao năng lực quản trị để đáp ứng yêu cầu của thị trường, thực hiện mục tiêu phát triển bền vững và tăng trưởng xanh. Trong đó, Bộ Chỉ số Doanh nghiệp bền vững (Corporate Sustainability Index - CSI) được xem là một công cụ quản trị quan trọng, hỗ trợ doanh nghiệp đánh giá mức độ thực hành phát triển bền vững trên các trụ cột kinh tế, môi trường, xã hội và quản trị; đồng thời định hướng cải thiện hiệu quả hoạt động theo chuẩn mực phát triển hiện đại. Hội nghị CSI 2025 vừa qua là minh chứng cho sự cam kết mạnh mẽ của khối sản xuất trong việc hiện thực hóa Net Zero vào năm 2050.

Sau hơn một thập kỷ triển khai, việc áp dụng CSI tại Việt Nam đã bước đầu góp phần hình thành tư duy quản trị bền vững trong cộng đồng doanh nghiệp, đặc biệt ở khu vực sản xuất. Tuy nhiên, thực tiễn triển khai cho thấy vẫn tồn tại khoảng cách giữa nhận thức và hành động; nhiều doanh nghiệp còn gặp khó khăn về nguồn lực, năng lực quản trị, khả năng đo lường và tích hợp các tiêu chí bền vững vào chiến lược phát triển. Điều này đặt ra yêu cầu cần nghiên cứu sâu hơn về mối liên hệ giữa xu thế phát triển bền vững toàn cầu với thực tiễn áp dụng CSI tại doanh nghiệp Việt Nam nhằm nhận diện cơ hội, thách thức và đề xuất các định hướng thúc đẩy chuyển đổi sang mô hình tăng trưởng xanh nhằm nâng cao hiệu quả thực hành phát triển bền vững trong giai đoạn tới.

2. Xu hướng phát triển bền vững trên thế giới và thách thức đối với Việt Nam

2.1. Các xu hướng chủ đạo trên bản đồ phát triển bền vững toàn cầu

Trong bối cảnh hiện nay, sự chuyển dịch sang sản xuất bền vững không còn là một lựa chọn mang tính tự nguyện mà đã trở thành một yêu cầu sống còn dưới áp lực từ các định chế quốc tế và người tiêu dùng. Có ba xu hướng chính đang định hình lại toàn bộ chuỗi cung ứng toàn cầu mà các doanh nghiệp Việt Nam cần đặc biệt lưu tâm:

Chuyển đổi từ kinh tế tuyến tính sang kinh tế tuần hoàn (Circular Economy)

Trong nhiều thập kỷ, nền sản xuất thế giới vận hành dựa trên mô hình tuyến tính truyền thống: “Khai thác - Sản xuất - Thải bỏ”. Mô hình này đã bộc lộ những khiếm khuyết trầm trọng khi nguồn tài nguyên thiên nhiên dần cạn kiệt và rác thải công nghiệp gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

Thay vào đó, kinh tế tuần hoàn đang trở thành kim chỉ nam mới, tập trung vào việc thiết kế sản phẩm sao cho có thể tái sử dụng, sửa chữa và tái chế. Mục tiêu cốt lõi là giữ cho vật liệu được lưu thông trong một vòng lặp kín lâu nhất có thể, từ đó giảm thiểu việc tiêu thụ tài nguyên thô và triệt tiêu chất thải ngay từ khâu thiết kế. Đối với sản xuất, điều này có nghĩa là việc tận dụng năng lượng tái tạo và thu hồi phụ phẩm để làm nguyên liệu đầu vào cho một quy trình khác.

Cơ chế điều chỉnh biên giới carbon (CBAM) và các hàng rào xanh: Một trong những bước ngoặt lớn nhất đối với các quốc gia xuất khẩu là việc Liên minh châu Âu (EU) chính thức áp dụng cơ chế điều chỉnh biên giới carbon (CBAM). Đây là công cụ chính sách nhằm đánh thuế carbon đối với các hàng hóa nhập khẩu có mức phát thải cao trong quá trình sản xuất. Sự thay đổi này gửi đi một thông điệp mạnh mẽ: “Xanh hóa” không còn là trách

nhiệm xã hội đơn thuần mà đã trở thành một khoản chi phí tài chính trực tiếp. Các nhà sản xuất Việt Nam trong các ngành trọng điểm như thép, xi măng, nhôm và phân bón nếu không cải tiến công nghệ để giảm dấu chân carbon (Carbon Footprint) sẽ mất đi lợi thế cạnh tranh về giá và đối mặt với nguy cơ bị loại khỏi các thị trường phát triển.

Chuyển dịch dòng vốn thông qua báo cáo ESG bắt buộc

ESG (Environment - Social - Governance) đã tiến hóa từ một khái niệm trừu tượng thành một bộ tiêu chuẩn đo lường sức khỏe doanh nghiệp bắt buộc tại nhiều quốc gia. Các định chế tài chính và nhà đầu tư lớn trên thế giới hiện nay không chỉ nhìn vào báo cáo lợi nhuận mà còn soi xét kỹ lưỡng các chỉ số về môi trường, trách nhiệm xã hội và quản trị doanh nghiệp trước khi quyết định rót vốn.

Việc công khai báo cáo ESG minh bạch giúp doanh nghiệp tiếp cận được với các nguồn “tín dụng xanh” có lãi suất ưu đãi. Ngược lại, những đơn vị chậm chân trong việc chuyển đổi số và chuyển đổi xanh sẽ gặp khó khăn lớn trong việc huy động vốn, đồng thời đối mặt với rủi ro pháp lý khi các quy định về công bố thông tin bền vững ngày càng thắt chặt trên toàn cầu.

2.2. Những rào cản nội tại và thách thức đối với doanh nghiệp sản xuất Việt Nam

Dù nhận thức được tầm quan trọng của việc chuyển đổi xanh, các doanh nghiệp sản xuất tại Việt Nam, đặc biệt là khối doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs) đang phải đối mặt với những “nút thắt” lớn về cả nguồn lực tài chính lẫn năng lực quản trị hệ thống.

Áp lực từ chi phí chuyển đổi và rào cản vốn đầu tư

Thách thức đầu tiên và trực diện nhất chính là gánh nặng tài chính khi bắt đầu lộ trình phát thải thấp. Việc thay thế các dây chuyền sản xuất cũ kỹ, tiêu tốn năng lượng bằng các hệ thống công nghệ hiện đại, tự động hóa cao đòi hỏi một nguồn vốn đầu tư ban đầu cực kỳ lớn.

Theo các báo cáo phân tích kinh tế, chi phí chuyển đổi này thường chiếm từ 10% đến 15% tổng chi phí vận hành trong giai đoạn đầu. Khoản chi này bao gồm việc lắp đặt hệ thống năng lượng áp mái, nâng cấp thiết bị xử lý chất thải đạt chuẩn quốc tế và đào tạo lại nguồn nhân lực. Đối với nhiều doanh nghiệp Việt Nam vốn đang hoạt động với biên lợi nhuận mỏng, việc trích một phần lớn ngân sách cho những mục tiêu dài hạn mà chưa thấy ngay kết quả về mặt doanh thu trong ngắn hạn là một bài toán hóc búa, dễ dẫn đến tình trạng đứt gãy dòng tiền.

Độ phức tạp trong việc kiểm soát tính bền vững của chuỗi cung ứng

Phát triển bền vững không dừng lại ở tường rào của một nhà máy đơn lẻ; nó đòi hỏi sự minh bạch của toàn bộ hệ sinh thái sản xuất. Tuy nhiên, các doanh nghiệp đầu chuỗi tại Việt Nam đang gặp khó khăn chồng chất trong việc giám sát và đánh giá tính tuân thủ ESG của các nhà cung cấp cấp 2 và cấp 3.

Trong khi các nhà cung cấp trực tiếp (Tier 1) có thể dễ dàng được kiểm soát thông qua các điều khoản hợp đồng, thì các đơn vị cung ứng nguyên liệu thô hoặc linh kiện nhỏ ở các tầng sâu hơn thường thiếu hệ thống báo cáo chuẩn chỉnh. Sự thiếu đồng bộ về công nghệ

thông tin và nhận thức giữa các mắt xích trong chuỗi cung ứng dẫn đến rủi ro lớn: chỉ cần một mắt xích nhỏ vi phạm quy định về môi trường hoặc lao động, toàn bộ thương hiệu của doanh nghiệp xuất khẩu chính có thể bị ảnh hưởng tiêu cực tại các thị trường quốc tế khắt khe. Việc xây dựng một hệ thống truy xuất nguồn gốc (Traceability) toàn diện vẫn còn là một mục tiêu xa vời đối với đa số đơn vị sản xuất hiện nay.

3. Phân tích thực tiễn tại các doanh nghiệp CSI 2025

Chương trình đánh giá, công bố doanh nghiệp bền vững tại Việt Nam (CSI) năm 2025 đã vinh danh những đơn vị đi đầu với những con số ấn tượng:

Doanh nghiệp	Sáng kiến tiêu biểu	Kết quả ghi nhận năm 2025
Vinamilk	Trang trại Net Zero, năng lượng mặt trời	Giảm 15% lượng phát thải khí nhà kính so với 2020.
Traphaco	Phát triển vùng dược liệu GACP-WHO	100% sản phẩm chủ lực đạt chứng nhận bền vững.
Everpia	Sử dụng nguyên liệu tái chế (OEKO-TEX)	Giảm 20% lượng nước tiêu thụ trong nhuộm vải.
Cao su Đồng Nai	Chứng chỉ rừng bền vững VFCS/PEFC	100% diện tích khai thác đạt chuẩn quản lý bền vững.
Kraft Vina	Hệ thống tái tạo giấy và xử lý nước thải khép kín	Tái sử dụng 95% lượng nước trong sản xuất.

3.1. Vinamilk: Chiến lược “xanh hóa” toàn diện và lộ trình tiến tới Net Zero 2050

Vinamilk hiện không chỉ giữ vững vị thế là doanh nghiệp sữa hàng đầu Việt Nam mà còn trở thành biểu tượng tiên phong trong việc hiện thực hóa cam kết Net Zero. Thay vì chỉ thực hiện các hoạt động trách nhiệm xã hội (CSR) rời rạc như trồng cây, doanh nghiệp này đã thiết lập một hệ sinh thái sản xuất bền vững, tác động trực tiếp vào chuỗi giá trị từ “cánh đồng đến bàn ăn”.

Hệ thống trang trại và nhà máy đạt chuẩn trung hòa Carbon

Điểm nhấn đột phá nhất của Vinamilk chính là việc sở hữu các đơn vị đầu tiên tại Việt Nam đạt chứng nhận trung hòa Carbon (PAS 2060). Tính đến cuối năm 2023, Vinamilk đã có 3 đơn vị đạt chứng nhận này bao gồm: Nhà máy sữa Nghệ An, Trang trại bò sữa Nghệ An và Nhà máy sữa nước Việt Nam (Bình Dương).

Để đạt được kết quả này, Vinamilk đã triển khai đồng bộ việc cắt giảm phát thải và duy trì các “bể hấp thụ” khí nhà kính. Tại các trang trại, hệ thống Biogas hiện đại giúp biến chất thải chăn nuôi thành phân bón hữu cơ và năng lượng đốt, giảm thiểu đáng kể khí methane. Theo báo cáo bền vững, việc ứng dụng năng lượng tái tạo (như điện mặt trời áp mái) đã giúp doanh nghiệp này thay thế một phần lớn điện lưới truyền thống, góp phần đưa tổng lượng phát thải giảm hàng chục ngàn tấn CO₂ mỗi năm.

Tối ưu hóa chuỗi cung ứng và vận tải xanh

“Xanh hóa” tại Vinamilk còn lan tỏa mạnh mẽ sang khâu vận chuyển và logistics. Doanh nghiệp đã đầu tư mạnh vào hệ thống xe đẩy điện và xe nâng điện trong kho bãi để thay thế các thiết bị chạy bằng nhiên liệu hóa thạch. Việc tối ưu hóa lộ trình vận chuyển bằng trí

tuệ nhân tạo (AI) cũng giúp giảm thiểu quãng đường xe chạy rỗng, từ đó tiết kiệm nhiên liệu và giảm phát thải trực tiếp ra môi trường.

Bên cạnh đó, việc sử dụng các bao bì có thể tái chế (như vỏ hộp sữa đạt chứng nhận FSC) và triển khai các chương trình thu hồi vỏ hộp cũ đã minh chứng cho tư duy kinh tế tuần hoàn xuyên suốt trong hoạt động của hãng.

“Giấy thông hành” vào các thị trường khó tính

Thành quả từ nỗ lực bền vững không chỉ nằm ở những con số môi trường mà còn là lợi thế thương mại trực tiếp. Việc đạt được các chứng chỉ xanh quốc tế đã trở thành tấm “giấy thông hành” quyền lực, giúp Vinamilk tự tin thâm nhập và mở rộng thị phần tại những thị trường cực kỳ khắt khe về tiêu chuẩn môi trường như Úc và New Zealand.

Tại các quốc gia này, người tiêu dùng sẵn sàng chi trả cao hơn cho những sản phẩm có nhãn “Carbon Neutral”. Việc chủ động xanh hóa quy trình sản xuất giúp Vinamilk không bị rơi vào thế bị động trước các rào cản kỹ thuật mới, đồng thời nâng tầm thương hiệu Việt trên bản đồ sữa thế giới, minh chứng rằng doanh nghiệp nội địa hoàn toàn có đủ năng lực để đáp ứng các tiêu chuẩn khắt khe nhất của toàn cầu.

3.2. Traphaco: Mô hình kinh tế xanh từ chiến lược phát triển dược liệu bền vững

Traphaco là một minh chứng điển hình cho việc hiện thực hóa mô hình kinh tế xanh trong ngành dược phẩm Việt Nam. Không chỉ dừng lại ở việc sản xuất thuốc, doanh nghiệp này đã kiến tạo một hệ sinh thái bền vững dựa trên ba trụ cột chính: Hiệu quả kinh tế - Bảo vệ môi trường - Trách nhiệm xã hội, từ đó khẳng định vị thế “Doanh nghiệp xanh” tiêu biểu.

Bảo tồn đa dạng sinh học gắn liền với tiêu chuẩn GACP-WHO

Chiến lược cốt lõi của Traphaco nằm ở việc phát triển các vùng trồng dược liệu đạt chuẩn GACP-WHO (Thực hành tốt nuôi trồng và thu hái dược liệu theo khuyến cáo của Tổ chức Y tế Thế giới). Thay vì khai thác tận diệt nguồn tài nguyên thiên nhiên, doanh nghiệp đã chủ động quy hoạch các vùng trồng nguyên liệu sạch tại nhiều tỉnh thành như Lào Cai, Nam Định, Phú Thọ.

Tính đến năm 2024, Traphaco đã quản lý hơn 28.000 ha vùng trồng và thu hái dược liệu, với nhiều loại cây chủ lực như đinh lăng, actiso, rau đắng đất đạt chứng nhận quốc tế. Việc kiểm soát chặt chẽ từ khâu chọn giống, bón phân đến thu hoạch không chỉ giúp bảo tồn đa dạng sinh học và các nguồn gen quý hiếm, mà còn đảm bảo hàm lượng hoạt chất trong dược liệu luôn ở mức cao nhất, tạo ra lợi thế cạnh tranh tuyệt đối về chất lượng sản phẩm trên thị trường.

Liên kết bền vững: Mô hình “4 nhà” và an sinh xã hội

Traphaco đã giải quyết bài toán khó khăn nhất của ngành sản xuất là sự đứt gãy chuỗi cung ứng bằng cách thiết lập mối liên kết chặt chẽ với cộng đồng địa phương. Thông qua mô hình liên kết giữa Nhà doanh nghiệp - Nhà nông - Nhà khoa học - Nhà quản lý, Traphaco không chỉ bao tiêu đầu ra mà còn trực tiếp chuyển giao công nghệ cho người dân.

Mô hình này đã tạo ra việc làm ổn định cho hàng ngàn hộ nông dân, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số tại các vùng sâu, vùng xa. Thu nhập của người dân tham gia chuỗi cung

ứng được liệu của Traphaco cao gấp 3 - 5 lần so với trồng lúa hoặc các loại hoa màu truyền thống. Chính sự gắn kết quyền lợi này đã tạo ra một “lá chắn” vững chắc, giúp chuỗi cung ứng của doanh nghiệp luôn ổn định, bất chấp những biến động về giá cả hay sự khan hiếm nguyên liệu của thị trường toàn cầu.

Hiệu quả kinh tế từ chuỗi giá trị xanh toàn diện

Việc đầu tư vào kinh tế xanh đã mang lại những con số tăng trưởng ấn tượng. Các dòng sản phẩm chủ lực từ dược liệu (như Boganic hay Hoạt huyết dưỡng não) đóng góp tới hơn 70% doanh thu hàng năm cho doanh nghiệp. Nhờ tự chủ được nguồn nguyên liệu sạch lên tới hơn 90% cho các sản phẩm chiến lược, Traphaco giảm thiểu được rủi ro từ việc nhập khẩu nguyên liệu và tối ưu hóa chi phí sản xuất một cách bền vững.

Sự thành công của Traphaco cho thấy, khi doanh nghiệp đặt yếu tố bền vững làm trọng tâm, họ không chỉ thu về lợi nhuận tài chính mà còn tạo ra những giá trị vô hình to lớn về uy tín thương hiệu và sự tin tưởng của người tiêu dùng trong kỷ nguyên sống xanh hiện nay.

3.3. Cao su Đồng Nai: Chuyển đổi số và “hộ chiếu xanh” cho nông nghiệp bền vững

Nếu Vinamilk dẫn đầu trong ngành sữa, thì Tổng Công ty Cao su Đồng Nai (Donaruco) chính là “ngọn cờ đầu” của ngành cao su Việt Nam trong việc thực thi các tiêu chuẩn bền vững quốc tế. Doanh nghiệp này đã chứng minh rằng một ngành khai thác truyền thống vẫn có thể trở thành hình mẫu của kinh tế xanh thông qua công nghệ và quản trị rừng nghiêm ngặt.

Tiên phong đáp ứng quy định EUDR và chứng chỉ rừng quốc tế

Thách thức lớn nhất đối với ngành cao su hiện nay là quy định chống phá rừng của Liên minh châu Âu (EUDR). Donaruco đã trở thành một trong những đơn vị đầu tiên của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (VRG) đáp ứng đầy đủ các yêu cầu khắt khe này.

Tính đến năm 2025, doanh nghiệp đã quản lý và vận hành hiệu quả hàng chục ngàn hecta diện tích cao su đạt chứng chỉ quản lý rừng bền vững VFCS/PEFC. Việc sở hữu “hộ chiếu xanh” này không chỉ giúp Donaruco bảo vệ môi trường sinh thái mà còn mang lại giá trị kinh tế trực tiếp: sản phẩm cao su đạt chuẩn EUDR của công ty có giá bán chênh lệch cao hơn khoảng 250 USD/tấn so với cao su thông thường. Trong giai đoạn 2024–2025, doanh nghiệp đã xuất khẩu thành công hơn 2.000 tấn sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn EUDR sang thị trường châu Âu, khẳng định vị thế trên bản đồ cung ứng bền vững toàn cầu.

Đột phá năng suất nhờ “cơ giới hóa xanh” và chuyển đổi số

Donaruco không chọn cách mở rộng diện tích bằng mọi giá mà tập trung vào chiều sâu thông qua công nghệ. Năm 2025, doanh nghiệp đã xác lập kỷ lục mới với năng suất vườn cây bình quân đạt 2,62 tấn/ha - con số thuộc nhóm cao nhất toàn ngành cao su Việt Nam.

Để đạt được con số ấn tượng này, công ty đã triển khai hệ thống DNRC - Traceability - một giải pháp truy xuất nguồn gốc số hóa cho phép theo dõi toàn bộ hành trình của mủ cao su từ vườn cây đến nhà máy chế biến. Bên cạnh đó, việc ứng dụng IoT và AI trong việc dự báo sản lượng và giám sát chất lượng theo thời gian thực đã giúp giảm thiểu lãng phí và

tối ưu hóa chi phí vận hành. “Cơ giới hóa xanh” với các thiết bị tự động hóa tại nhà máy dán bao gói và hệ thống cảm biến xử lý mùi hôi đã giúp giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường xung quanh một cách triệt để.

Trụ cột an sinh xã hội và cam kết Net Zero 2050

Sự bền vững tại Cao su Đồng Nai còn được xây dựng trên nền tảng con người. Với hơn 50 năm hình thành và phát triển, doanh nghiệp luôn coi người lao động là trọng tâm. Trong năm 2025, thu nhập bình quân của người lao động tại đây đã đạt mức tăng trưởng ấn tượng, hướng tới mục tiêu 22 triệu đồng/tháng vào cuối nhiệm kỳ 2025-2030.

Đồng hành cùng cam kết của Chính phủ tại COP26, Donaruco đã lồng ghép lộ trình giảm phát thải vào chiến lược kinh doanh dài hạn. Việc chuyển dịch từ mô hình “bán nguyên liệu thô” sang “bán giá trị bền vững” thông qua chế biến sâu và tận dụng phụ phẩm lâm nghiệp không chỉ giúp doanh nghiệp tăng trưởng doanh thu (đạt hơn 2.200 tỷ đồng năm 2024) mà còn đóng góp trực tiếp vào mục tiêu trung hòa carbon của quốc gia.

4. Một số giải pháp trọng tâm thúc đẩy phát triển bền vững trong sản xuất

Để chuyển dịch từ nhận thức sang hành động thực tế, các doanh nghiệp sản xuất Việt Nam cần một lộ trình bài bản, kết hợp giữa sự hỗ trợ chính sách, sức mạnh công nghệ và thay đổi từ nội tại tư duy quản trị.

4.1. Hoàn thiện khung pháp lý và hệ thống “phân loại xanh” (Green Taxonomy)

Rào cản lớn nhất hiện nay không phải là ý chí của doanh nghiệp mà là sự thiếu vắng một “thước đo” thống nhất. Việc sớm hoàn thiện và ban hành danh mục phân loại xanh (Green Taxonomy) là điều kiện tiên quyết để khơi thông nguồn vốn.

Khi có hướng dẫn cụ thể về việc thế nào là một dự án “xanh” chuẩn quy định, các ngân hàng thương mại mới có cơ sở để giải ngân các gói tín dụng xanh với lãi suất ưu đãi (thường thấp hơn từ 1 - 2% so với lãi suất thông thường). Theo ước tính của Ngân hàng Nhà nước, nhu cầu vốn cho chuyển đổi xanh của Việt Nam đến năm 2040 lên tới hàng trăm tỷ USD, nếu không có khung pháp lý minh bạch, doanh nghiệp sẽ rất khó tiếp cận các nguồn tài chính quốc tế hoặc phát hành trái phiếu xanh để tái cấu trúc nợ và đầu tư công nghệ mới.

4.2. Đẩy mạnh “chuyển đổi số xanh”: Sự kết hợp giữa IoT và AI

Chuyển đổi số không còn chỉ để tăng năng suất mà còn là công cụ cốt lõi để giảm phát thải. Việc ứng dụng Internet kết nối vạn vật IoT (Internet of Things) và trí tuệ nhân tạo AI cho phép doanh nghiệp giám sát mức tiêu thụ năng lượng và nguyên liệu theo thời gian thực, từ đó phát hiện các điểm thất thoát mà mắt thường không thấy được.

Một ví dụ điển hình là trường hợp của Kraft Vina. Bằng cách triển khai hệ thống quản lý năng lượng thông minh, doanh nghiệp này đã tối ưu hóa được quy trình vận hành lò hơi và dây chuyền sản xuất giấy, giúp giảm trực tiếp 10% lượng điện năng tiêu thụ và cắt giảm đáng kể chi phí vận hành hàng năm. Các con số thực tế năm 2025 cho thấy, những doanh nghiệp sản xuất ứng dụng AI vào quản trị năng lượng có khả năng giảm phát thải khí nhà kính từ 15 - 20% mà không cần thay đổi toàn bộ phần cứng máy móc, giúp tối ưu hóa chi phí đầu tư trong giai đoạn chuyển đổi.

4.3. Thay đổi tư duy quản trị: ESG là khoản đầu tư, không phải chi phí

Thách thức lớn nhất nằm ở tư duy của những người đứng đầu. Lãnh đạo doanh nghiệp cần nhìn nhận ESG (Môi trường - Xã hội - Quản trị) là một khoản đầu tư chiến lược mang lại giá trị dài hạn, thay vì coi đó là một khoản chi phí tuân thủ gây áp lực lên bảng cân đối kế toán.

Trong bối cảnh các thị trường lớn như EU hay Mỹ bắt đầu áp dụng các hàng rào kỹ thuật xanh, việc chậm trễ thực hiện ESG sẽ khiến doanh nghiệp mất đi cơ hội thâm nhập chuỗi cung ứng toàn cầu. Ngược lại, những doanh nghiệp chủ động tích hợp ESG vào DNA của tổ chức sẽ xây dựng được niềm tin với các nhà đầu tư và khách hàng. Thực tế chứng minh, các doanh nghiệp có chỉ số ESG cao thường có sức chống chịu tốt hơn trước các biến động thị trường và có khả năng thu hút nhân tài thế hệ mới (Gen Z) - những người vốn ưu tiên làm việc tại các công ty có trách nhiệm với xã hội.

5. Kết luận và kiến nghị: hành trình từ nhận thức đến thịnh vượng xanh

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ năm (Industry 5.0) đang đặt trọng tâm vào sự giao thoa giữa con người, công nghệ và hành tinh. Tại Việt Nam, phát triển bền vững (PTBV) không còn là một khẩu hiệu mang tính hình thức mà đã trở thành “bộ lọc” sinh tồn đối với các doanh nghiệp sản xuất trong kỷ nguyên mới.

5.1. Những “ngọn hải đăng” và tầm nhìn chiến lược

Các doanh nghiệp được vinh danh trong Chương trình Công bố Doanh nghiệp bền vững tại Việt Nam (CSI) năm 2025 không chỉ là những đơn vị dẫn đầu về lợi nhuận, mà còn là những “ngọn hải đăng” định hướng cho cộng đồng kinh doanh. Thực tế chứng minh, PTBV mang lại lợi ích kép không thể phủ nhận:

- **Giá trị nội tại:** Tối ưu hóa hiệu suất sử dụng tài nguyên, giảm thiểu lãng phí và xây dựng một lực lượng lao động gắn kết, ổn định.

- **Giá trị thương hiệu:** Tạo dựng niềm tin tuyệt đối với các nhà đầu tư ESG toàn cầu và dành tấm vé thông hành vào các thị trường khó tính nhất.

Việc đầu tư vào phát triển sản xuất bền vững chính là cách doanh nghiệp “mua bảo hiểm” cho tương lai trước những biến động khó lường của khí hậu và các rào cản thương mại xanh.

5.2. Kiến nghị đối với Chính phủ và cơ quan quản lý

Vai trò của Nhà nước là tạo ra một hệ sinh thái nuôi dưỡng và thúc đẩy các nỗ lực xanh. Chúng tôi kiến nghị các nhóm giải pháp then chốt như sau:

- **Cơ chế ưu đãi tài khóa:** Cần ban hành các gói ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đặc thù hoặc miễn giảm thuế nhập khẩu linh kiện/công nghệ xanh dành riêng cho các doanh nghiệp đạt chuẩn CSI hoặc có lộ trình Net Zero rõ ràng.

- **Khởi thông tín dụng xanh:** Đẩy nhanh việc hiện thực hóa các gói hỗ trợ lãi suất thông qua hệ thống ngân hàng thương mại cho các dự án chuyển đổi năng lượng và xử lý chất thải tuần hoàn.

- **Hỗ trợ kỹ thuật và đào tạo:** Thiết lập các trung tâm tư vấn ESG cấp quốc gia để hỗ trợ nhóm doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs) trong việc xây dựng báo cáo bền vững và chuyển đổi số xanh, giảm bớt áp lực về chi phí tư vấn quốc tế đắt đỏ.

5.3. Kiến nghị đối với cộng đồng doanh nghiệp

Để không bị tụt hậu trong cuộc đua xanh, các doanh nghiệp sản xuất cần thực hiện các bước đi quyết liệt sau:

- **Chuẩn hóa theo bộ chỉ số CSI:** Coi bộ chỉ số doanh nghiệp bền vững (CSI) là “thanh thước đo” định kỳ để tự rà soát, đánh giá sức khỏe doanh nghiệp trên cả ba phương diện: Kinh tế - Xã hội - Môi trường. Việc bám sát các tiêu chuẩn này giúp doanh nghiệp phát hiện sớm các rủi ro vận hành và các kẽ hở trong quản trị.

- **Tích hợp ESG vào chiến lược cốt lõi:** Ngừng coi ESG là các hoạt động thiện nguyện ngoài lề. Thay vào đó, hãy biến các tiêu chuẩn này thành kim chỉ nam cho mọi quyết định từ thu mua nguyên liệu, thiết kế sản phẩm cho đến quy trình phân phối cuối cùng.

- **Minh bạch hóa dữ liệu:** Đầu tư vào các hệ thống báo cáo phát thải và báo cáo bền vững định kỳ. Sự minh bạch là “đồng tiền” quyền lực nhất để doanh nghiệp tiếp cận các nguồn tài chính xanh trong tương lai gần.

Lời kết: Hành trình tiến tới Net Zero vào năm 2050 của Việt Nam phụ thuộc rất lớn vào sức bật và sự chuyển mình của khối các doanh nghiệp sản xuất. Khi mỗi doanh nghiệp trở thành một mắt xích bền vững, chúng ta không chỉ bảo vệ được môi trường mà còn khẳng định vị thế của một Việt Nam tự cường, trách nhiệm và thịnh vượng trên trường quốc tế.

Tài liệu tham khảo

1. VCCI (2025), *Báo cáo tổng kết chương trình CSI 2025 và bộ chỉ số doanh nghiệp bền vững*, NXB Kinh tế TP.HCM.
2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2021), *Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050*.
3. United Nations (2023), *Sustainable Development Goals Report 2024*.
4. VCCI và Hội đồng Doanh nghiệp vì sự Phát triển bền vững (VBCSD) (2025), *Kỷ yếu biểu dương doanh nghiệp bền vững CSI 2025: Những điển hình tiên phong trong kinh tế tuần hoàn*, NXB Tài chính.
5. Vinamilk (2025), *Báo cáo phát triển bền vững năm 2024 - Lộ trình tiến tới Net Zero 2050*.
6. Traphaco (2025), *Báo cáo thường niên và chiến lược phát triển dược liệu bền vững*.
7. Tổng Công ty Cao su Đồng Nai (2025), *Báo cáo phát triển bền vững năm 2024 và kế hoạch hành động ESG giai đoạn 2025-2030*, Lưu hành nội bộ và công bố thông tin doanh nghiệp.
8. Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - VRG (2024), *Báo cáo tổng kết thực hiện chứng chỉ quản lý rừng bền vững VFCS/PEFC tại các đơn vị thành viên khu vực Đông Nam Bộ*, NXB Nông nghiệp.

9. Hội đồng Quản trị rừng Việt Nam (2024), *Danh mục các đơn vị đạt chuẩn quản lý rừng bền vững quốc gia (VFCS) năm 2024*, Truy cập tại website hệ thống VFCS.

Sustainable development strategies: from global trends to the practices of CSI manufacturing enterprises (corporate sustainability index) in Vietnam

Đo Quốc Bình

Nguyen Thi Quynh Hoa

Sustainable development is now considered a prerequisite for maintaining competitiveness, enhancing resilience and ensuring long-term growth for nations and businesses in the global economy. This trend is strongly promoted through international commitments on sustainable development, the net zero emissions target, Environmental, Social and Governance (ESG) standards, supply chain transparency requirements and new trade mechanisms linked to environmental and carbon factors. In this context, manufacturing businesses - which are resource and energy intensive areas and generate a large proportion of the economy's added value - are facing the urgent need to restructure their production models, innovate governance and transition to sustainable development practices.

The paper examines the trends and practices of sustainable development among manufacturing enterprises in Vietnam within the context of ESG (Environmental, Social, and Governance) framework implementation. By analyzing exemplary enterprises honored at the CSI 2025 Announcement Ceremony, such as Vinamilk, Traphaco, Everpia, Dong Nai Rubber and Kraft Vina, the article clarifies challenges regarding investment costs, technical barriers and the green digital transformation roadmap of enterprises. The results indicate that adopting the CSI Index not only helps businesses manage risks more effectively but also enhances their competitiveness in international markets. Based on that, the article proposes several key solutions to promote sustainable development in production; and makes recommendations to the Government, management agencies and the business community to improve the effectiveness of sustainable development practices in the coming period.

Keywords: Sustainable Development, ESG, Enterprise, Manufacturing, CSI 2025.